TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2018.
V/v: *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Mậu.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Minh L, sinh năm 1993; Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1991; Có mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã ĐB, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn - chị Mai Thị Minh L như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Công Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã ĐB năm 2012. Nay chị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Công Đ. Căn cứ ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng phát sinh trong quá trình chung sống với anh Đ, cụ thể anh Đ không có trách nhiệm và ít quan tâm với gia đình, không chăm lo làm ăn mà cờ bạc nên từ đó vợ chồng nảy sinh bất đồng và sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc chia sẽ lẫn nhau trong cuộc

sống. Nay bản thân chị L đã không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ, không mong muốn được đoàn tụ quay về chung sống.

Về con chung: trong quá trình chung sống chị L và anh Đ có một người con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2012 hiện đang do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ yêu cầu được quyền nuôi con là hiện tại chị L đang có công việc hàng ngày và nơi ở ổn định, có thời gian để chăm sóc con; đảm bảo về chổ ở và thu nhập để nuôi con phát triển tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Công Đ trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã ĐB năm 2012. Theo yêu cầu ly hôn của chị L thì anh Đ đồng ý; vì trong quá trình chung sống, giữa anh Đ và chị L nảy sinh nhiều bất đồng mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L không chung thủy trong hôn nhân mà có quan hệ tình cảm với người khác, làm cho tình trạng hôn nhân trở nên mâu thuẫn trầm trọng và khó có thể quay về chung sống hạnh phúc với nhau như ban đầu. Nay bản thân anh Đ không còn tình cảm với chị L nên không mong muốn quay về chung sống đoàn tụ.

Về con chung: trong quá trình chung sống anh và chị L có một người con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2012; Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu chị L phải giao con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Công Đ.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị L nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị L không được ngăn cản.

+ Về án phí: Đề nghị chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Minh L: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L và anh Đ đều thừa nhận rằng, hai bên tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã ĐB năm 2012; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nảy sinh nhiều bất đồng quan điểm và cách sống; không tin tưởng, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ trong cuộc sống nên chị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đ thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị L. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị L và anh Đ đều mong muốn được ly hôn; không có nguyện vọng được hòa giải đoàn tụ. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện ly hôn giữa chị L và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị L và anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự: Trong thời gian chung sống chị L và anh Đ có một người con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2012. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị L và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của chị L và anh Đ là chính đáng, tuy nhiên hiện cháu Hương đang do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, được phát triển bình thường, chị L hiện có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, cháu Nhi là nữ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho chị L nuôi dưỡng sẽ đáp ứng điều kiện phát triển mọi mặt của con tốt hơn so với anh Đ. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa đề nghị giao cháu H cho chị L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ. Nên cần tiếp tục giao cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2012 cho đến khi thành niên, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị L không được ngăn cản là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Đ đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Công Đ.

Về con chung: Giao cho **c**hị Mai Thị Minh L được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2012 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Công Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Mai Thị Minh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0012619, ngày 28/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/7/2018). (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã ĐB;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí